

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN FCI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN FCI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FCI DEVELOPMENT & INVESTMENT CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FCI INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109873228

3. Ngày thành lập: 28/12/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 9, tòa nhà Gelex Tower, số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0931030481

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa	4610
3.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 – Luật Thương mại)	8299
5.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
6.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng	6619
7.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (Điều 3 - Luật kinh doanh bất động sản)	6810

8.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản (Điều 3- Luật kinh doanh bất động sản 2014). - Tư vấn bất động sản (Điều 3- Luật kinh doanh bất động sản 2014).	6820(Chính)
9.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
10.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc (Điều 3 - Luật Kiến trúc năm 2019) - Dịch vụ thiết kế kiến trúc công trình (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Dịch vụ thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ giám sát thi công xây dựng (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng (Điều 3 – Luật xây dựng năm 2014) - Dịch vụ thiết kế kiến trúc cảnh quan (Điều 19 – Luật Kiến trúc năm 2019). - Dịch vụ tư vấn định giá xây dựng (Điều 1 – Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ tư vấn thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Điều 56 Luật xây dựng năm 2014) - Dịch vụ tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (Điều 41-Nghị định 79/2014/NĐ-CP) - Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Điều 42-Nghị định 79/2014/NĐ-CP) - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Điều 43-Nghị định 79/2014/NĐ-CP) - Dịch vụ đo đạc bản đồ (Điều 10 – Luật đo đạc và bản đồ năm 2019)	7110
11.	Quảng cáo	7310
12.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
13.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

14.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn đấu thầu (Điều 4 – Luật đấu thầu). - Dịch vụ tư vấn hồ sơ mời thầu (Điều 7 – Luật đấu thầu). - Dịch vụ tư vấn đánh giá hồ sơ đấu thầu (Điều 4 – Luật đấu thầu). - Dịch vụ lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 150 - Luật xây dựng năm 2014). - Dịch vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 152 - Luật xây dựng 2014). - Dịch vụ lập dự án đầu tư xây dựng (Điều 52 - Luật xây dựng 2014). - Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng (Điều 3 - Luật xây dựng 2014). - Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư (Điều 105 – Luật nhà ở 2014) - Hoạt động dịch thuật (Điều 27 – Nghị định 23/2015/NĐ-CP) - Hoạt động phiên dịch.	7490
15.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
16.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
17.	Cơ sở lưu trú khác	5590
18.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
19.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
20.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
21.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
22.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

6. Vốn điều lệ: 79.390.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 7.939.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ LAN PHƯƠNG	Căn hộ 2126 – HH04B Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.905.3 60	19.053.600.000	24,000	0171860003 12	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.905.3 60	19.053.600.000	24,000		
2	LƯƠNG VĨNH LỘC	Căn Hộ 1206 – T10 Times City, 458 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.905.3 60	19.053.600.000	24,000	0310870106 45	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.905.3 60	19.053.600.000	24,000		

3	LÊ THỊ THỦY	Số nhà 3A, ngách 165/30 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.905.360	19.053.600.000	24,000	042185016240
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.905.360	19.053.600.000	24,000	
4	NGUYỄN MINH TUẤN	173/21 An Dương Vương, Khu phố 4, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.222.920	22.229.200.000	28,000	025945551
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.222.920	22.229.200.000	28,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 06/03/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 042185016240

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 3A, ngách 165/30 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 3A, ngách 165/30 Dương Quảng Hàm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội